

※ Hãy viết tất cả các mục bằng tiếng Anh hoặc tiếng Nhật. ※

Đăng ký địa chỉ đỗ xe

Khoanh tròn ○ vào thay đổi và đăng ký

Đăng ký địa chỉ đỗ xe nhỏ

Khoanh tròn ○ vào mới và xe nhỏ.
(Trong trường hợp thay đổi địa chỉ xe, thay đổi và xe nhỏ.)

Địa chỉ cơ sở sử dụng xe

「Cá nhân」
Viết địa chỉ nơi mà mình đang sinh sống. Thông thường Địa chỉ giống với Hồ sơ cư trú nhưng nếu không sống địa chỉ trong hồ sơ cư trú thì không phải là địa chỉ cơ sở sử dụng xe.
「Doanh nghiệp, Công ty」
Viết địa chỉ của cơ sở tiến hành kinh doanh.

Địa chỉ đỗ xe

Viết địa chỉ của nơi đỗ xe. không cần viết số phòng nếu địa chỉ là ở apto.

(Trong trường hợp thay đổi địa chỉ xe)

Hãy biết địa chỉ xe trước trong ngoặc.

Hãy viết ngày tháng năm mà bạn nộp Giấy tờ cho sở CS. (Không phải là ngày ghi Giấy tờ.)

Người đăng ký

Hãy viết
• Mã số bưu điện • Địa chỉ
• Họ ten • SĐT
của người sử dụng hoặc người sở hữu xe vào.
「Cá nhân」
Tên và địa chỉ ghi giống như trên Hồ sơ cư trú hoặc Giấy chứng nhận đăng ký con dấu.
「Doanh nghiệp, Công ty」
Tên giám đốc và tên công ty, địa chỉ công ty ghi giống như trên Giấy đăng ký công ty hoặc Giấy chứng nhận đăng ký con dấu.

自動車保管場所届出書 (新規 変更)

自動車の区分

登録 ・ 軽

車 名

型 式

車 台 番 号

自 動 車 の 大 き さ

● ● ●

● ● ●

● ● ●

長さ ● ● センチメートル

幅 ● ● センチメートル

高さ ● ● センチメートル

chiều dài, chiều rộng,
chiều cao, được tính bằng
cm.

Hãy viết các thông tin giống như thông tin được ghi trong đăng kiểm.

自動車の使用の本拠の位置

● ● ●

自動車の保管場所の位置

● ● ●

(変更前 ● ● ●)

上記の事項について届出をします。

● ● 年 ● ● 月 ● ● 日

● ● 警 察 署 長 殿

〒 (● ● ●) ● ● ● ●

Địa chỉ ● ●

Người đăng ký ● ● ● - ● ● ● - ● ● ● ●

Họ tên ● ● ● ●

Hãy viết bằng
bút bi đen
hoặc con dấu.
(Không sử
dụng bút bi xóa
được)

Hãy viết tên
sở cảnh sát
nơi mà bạn
nộp giấy tờ